

Số: 14 /NQ-HĐND

Việt Hưng, ngày 29 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố
trên địa bàn phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG VIỆT HUNG
KHÓA II, NHIỆM KỲ 2026 – 2031, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Việt Hưng về việc Đề nghị thông qua Đề án “Sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố trên địa bàn Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội” và thành lập, sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố trên địa bàn phường Việt Hưng; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-BVHXXH ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân phường Việt Hưng và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường Việt Hưng tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập, sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố

1. Thành lập, sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố trên địa bàn phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Sau khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn phường Việt Hưng có 32 tổ dân phố.

3. Tên gọi, cơ sở hình thành, quy mô hộ gia đình, dân số, phạm vi quản lý, ranh giới và các thông tin có liên quan của từng tổ dân phố thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường Việt Hưng

- Tổ chức công bố Nghị quyết này; quản lý địa bàn, dân cư, hồ sơ, tài liệu và các nội dung có liên quan của tổ dân phố sau khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại.

- Hướng dẫn các tổ dân phố sau sắp xếp ổn định hoạt động; thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố và các nội dung khác có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Việt Hưng khóa II, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố Hà Nội;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Đường Hoài Nam

PHỤ LỤC**Danh mục tổ dân phố thành lập, sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội***Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Việt Hưng*

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
1	Tổ dân phố Việt Hưng 1	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 1 Việt Hưng và diện tích tự nhiên, quy mô dân số của một phần Tổ dân phố số 3 cụm Đức Giang (từ số nhà 02 đến số nhà 120 đường Ngô Gia Tự và các hộ thuộc Tổ dân phố số 15 phường Gia Thụy (cũ) từ số nhà 09 đường Nguyễn Văn Linh đến hết Trung tâm thương mại Việt Phương).	Tổ dân phố	849	2.413	
2	Tổ dân phố Việt Hưng 2	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 2 Việt Hưng và diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 3 Việt Hưng thuộc khu đấu giá.	Tổ dân phố	844	2.493	
3	Tổ dân phố Việt Hưng 3	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 11 Việt Hưng và diện tích tự nhiên, quy mô dân số của một phần Tổ dân phố số 3 Việt Hưng trừ các hộ thuộc khu đấu giá đã được sắp xếp vào Tổ Việt Hưng 2 mới.	Tổ dân phố	912	3.222	
4	Tổ dân phố Việt Hưng 4	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 4 Việt Hưng và	Tổ dân phố	1.019	3.354	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
		toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 5 Việt Hưng.				
5	Tổ dân phố Việt Hưng 5	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 6 Việt Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 7 Việt Hưng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ 9 Việt Hưng thuộc khu đấu giá các lô B1, B2, E1, E2.	Tổ dân phố	840	3.059	
6	Tổ dân phố Việt Hưng 6	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 8 Việt Hưng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 9 Việt Hưng trừ diện tích tự nhiên, quy mô dân số tại khu đấu giá thuộc lô B1, B2, E1, E2 đã sắp xếp vào Tổ dân phố Việt Hưng 5 mới.	Tổ dân phố	1.164	4.159	
7	Tổ dân phố Việt Hưng 7	Giữ nguyên trạng Tổ dân phố số 14 Việt Hưng chỉ đổi tên	Tổ dân phố	997	3.678	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
8	Tổ dân phố Thượng Thanh 1	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 8 cụm Thượng Thanh và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 13 cụm Thượng Thanh trừ diện tích tự nhiên, quy mô dân số thuộc liên gia 1 và liên gia 2 đã được sắp xếp vào Tổ dân phố Đức Giang 5 mới.	Tổ dân phố	1.209	3.830	
9	Tổ dân phố Thượng Thanh 2	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 11 cụm Thượng Thanh và diện tích tự nhiên, quy mô dân số của một phần tổ dân phố 03 cụm Đức Giang (từ số nhà 03 đến số nhà 405 đường Ngô Gia Tự và 1 phần Tổ dân phố số 01 phường Đức Giang cũ).	Tổ dân phố	1.021	3.597	
10	Tổ dân phố Thượng Thanh 3	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 19 cụm Thượng Thanh và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 20 cụm Thượng Thanh.	Tổ dân phố	751	2.395	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
11	Tổ dân phố Thượng Thanh 4	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 21 cụm Thượng Thanh và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 22 cụm Thượng Thanh và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 9 cụm Đức Giang (Từ ngõ 529 đường Ngô Gia Tự đến phố Đặng Vũ Hỷ).	Tổ dân phố	1.293	4.513	
12	Tổ dân phố Thượng Thanh 5	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 24 cụm Thượng Thanh và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 10 cụm Đức Giang (Từ số nhà 799 đường Ngô Gia Tự đến ngõ 987 đường Ngô Gia Tự).	Tổ dân phố	765	2.596	
13	Tổ dân phố Thượng Thanh 6	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 26 cụm Thượng Thanh và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 10 cụm Đức Giang (Từ Ngõ 989 đường Ngô Gia Tự đến số nhà 1155 đường Ngô Gia Tự).	Tổ dân phố	908	3.143	
14	Tổ dân phố Thượng Thanh 7	Giữ nguyên trạng Tổ dân phố số 18 cụm Thượng Thanh chỉ đổi tên	Tổ dân phố	848	2.485	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
15	Tổ dân phố Thượng Thanh 8	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 29 cụm Thượng Thanh và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 30 cụm Thượng Thanh.	Tổ dân phố	877	2.263	
16	Tổ dân phố Giang Biên 1	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 1 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 3 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	763	2.471	
17	Tổ dân phố Giang Biên 2	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 2 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 4 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	778	2.564	
18	Tổ dân phố Giang Biên 3	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 5 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 6 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	881	2.786	
19	Tổ dân phố Giang Biên 4	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 7 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 8 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	910	3.094	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
20	Tổ dân phố Giang Biên 5	Giữ nguyên trạng Tổ dân phố số 18 cụm Giang Biên chỉ đổi tên	Tổ dân phố	915	3.102	
21	Tổ dân phố Giang Biên 6	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 9 cụm Giang Biên, nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 10 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 12 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	1.250	4.294	
22	Tổ dân phố Giang Biên 7	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 11 cụm Giang Biên, nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 14 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 15 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	1.112	3.856	
23	Tổ dân phố Giang Biên 8	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 13 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 20 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	1.024	3.089	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
24	Tổ dân phố Giang Biên 9	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 16 cụm Giang Biên, nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 17 cụm Giang Biên và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 19 cụm Giang Biên.	Tổ dân phố	1.015	2.883	
25	Tổ dân phố Đức Giang 1	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 5 cụm Đức Giang và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 6 cụm Đức Giang.	Tổ dân phố	881	2.926	
26	Tổ dân phố Đức Giang 2	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 7 cụm Đức Giang và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 17B cụm Đức Giang (thuộc Toà chung cư Phương Đông và Khu biệt thự liền kề).	Tổ dân phố	710	2.137	
27	Tổ dân phố Đức Giang 3	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 12 cụm Đức Giang, nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 14 cụm Đức Giang và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 10 cụm Đức Giang (Từ Ngõ 466 đường Ngô Gia Tự đến số 722 đường Ngô Gia Tự).	Tổ dân phố	1.276	4.016	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
28	Tổ dân phố Đức Giang 4	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 15 cụm Đức Giang, nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 16 cụm Đức Giang, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 17B cụm Đức Giang (trừ khu chung cư Phương Đông và khu biệt thự đã sắp xếp vào Tổ dân phố Đức Giang 2 mới và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 10 cụm Đức Giang (từ đầu phố Nguyễn Cao Luyện đến đường 638 và từ ngõ 360 đến ngõ 466 đường Ngô Gia Tự).	Tổ dân phố	1.309	4.446	
29	Tổ dân phố Đức Giang 5	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 18 cụm Đức Giang, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 9 cụm Đức Giang (từ Ngõ 529 đường Ngô Gia Tự đến phố Đức Giang), một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 19 cụm Đức Giang (từ số 29 đến số 81/49 ngõ 49 phố Đức Giang) và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 13 cụm Thượng Thanh (thuộc liên gia 1 và liên gia 2).	Tổ dân phố	700	2.242	

STT	Tên tổ dân phố sau sắp xếp	Cơ sở hình thành	Loại hình	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
30	Tổ dân phố Đức Giang 6	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 20 cụm Đức Giang, nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 21 cụm Đức Giang và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 9 cụm Đức Giang (thuộc số nhà bên chẵn và toàn bộ ngõ 49/87, ngõ 53/103/2, ngõ 53/103/4, ngõ 49/87/32, ngõ 49/87/25, từ số nhà 30 đến hết số nhà bên chẵn ngõ 49 phố Đức Giang và từ số nhà 83 ngõ 49 bên lẻ đến hết ngõ 49 phố Đức Giang).	Tổ dân phố	1.145	3.746	
31	Tổ dân phố Đức Giang 7	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 22 cụm Đức Giang và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 23 cụm Đức Giang.	Tổ dân phố	924	2.778	
32	Tổ dân phố Đức Giang 8	Thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 26 cụm Đức Giang và nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Tổ dân phố số 27 cụm Đức Giang.	Tổ dân phố	727	2.391	

Tổng cộng tổ dân phố sau sắp xếp, tổ chức lại: 32 tổ dân phố.